Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8451.80.00

Mã HS	8451.80.00
Mô tả hàng hóa	Các loại máy (trừ máy thuộc nhóm 84.50) dùng để giặt, làm sạch, vắt, sấy, là hơi, ép (kể cả ép mếch), tẩy trắng, nhuộm, hồ bóng, hoàn tất, tráng phủ hoặc ngâm tẩm sợi, vải dệt hoặc hàng dệt đã hoàn thiện và các máy dùng để phết hồ lên lớp vải đế hoặc lớp vải nền khác, dùng trong sản xuất hàng trải sàn như vải sơn lót sàn; máy để quấn, tở (xả), gấp, cắt hoặc cắt hình răng cưa vải dệt / - Máy khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 21:54:52
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84518000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14027
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14027
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14027
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13350
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13291
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13291
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13291
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13291
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13291
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13291
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13345
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13345
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13345
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13345

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13345
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13345
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13346
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13346
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13346
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13346
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13346
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13346
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13349
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13297
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13305
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13305
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13305
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13305
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13305
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13305
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13336
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13336
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13336
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13336
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13336
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13336
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13385
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13385
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13385
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13385

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13385
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13385
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13368
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13368
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13368
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13368
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13368
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13368
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13368
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13368
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13368
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13368
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13368
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13368
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13383
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13383
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13383
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13383
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13383
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13383
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13382
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13382
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13382
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13382
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13382
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13382

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13362
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13362
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13362
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13362
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13362
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13362
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13362
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13370
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13370
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13370
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13370
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13370
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13370
RCEP B	2022	2022	0	B!D13370
RCEP B	2023	2023	0	B!E13370
RCEP B	2024	2024	0	B!F13370
RCEP B	2025	2025	0	B!G13370
RCEP B	2026	2026	0	B!H13370
RCEP B	2027	2027	0	B!I13370
RCEP C	2022	2022	0	C!D13370
RCEP C	2023	2023	0	C!E13370
RCEP C	2024	2024	0	C!F13370
RCEP C	2025	2025	0	C!G13370
RCEP C	2026	2026	0	C!H13370
RCEP C	2027	2027	0	C!I13370
RCEP D	2022	2022	0	D!D13369

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13369
RCEP D	2024	2024	0	D!F13369
RCEP D	2025	2025	0	D!G13369
RCEP D	2026	2026	0	D!H13369
RCEP D	2027	2027	0	D!I13369
RCEP E	2022	2022	0	E!D13373
RCEP E	2023	2023	0	E!E13373
RCEP E	2024	2024	0	E!F13373
RCEP E	2025	2025	0	E!G13373
RCEP E	2026	2026	0	E!H13373
RCEP E	2027	2027	0	E!I13373
RCEP F	2022	2022	0	F!D13370
RCEP F	2023	2023	0	F!E13370
RCEP F	2024	2024	0	F!F13370
RCEP F	2025	2025	0	F!G13370
RCEP F	2026	2026	0	F!H13370
RCEP F	2027	2027	0	F!I13370
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12405
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12405
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12405
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12405

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8451.80.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8451.80.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14027), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.